TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ ĐỨC** THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2018/HSST**
Ngày: **25 – 01 - 2018**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC, TP HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Lâm Bình**

- *Các Hội thẩm nhân dân*: **Ông Nguyễn Văn Son**
Ông Trần Xuân Tộ

- Thư ký phiên tòa: **Bà Trần Thị Thu Hường** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện MD tham gia phiên tòa: **Ông Lê Đức Vì**- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở TAND huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 01/2018/HSST ngày 04 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Đặng Xuân H- Sinh năm 1982; Sinh trú quán: Thôn DK, xã HS, huyện MD, TP Hà Nội; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hoá: 6/12; Con ông: Đặng Xuân H1 (đã chết); Con bà: Trịnh Thị V; Vợ: Lương Thị H (đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 2006; TATS: Theo danh chỉ bản số 202 của Công an huyện MD lập và lý lịch địa phương cung cấp bị cáo không có tiền án, tiền sự. Nhân thân: Năm 2012 bị cáo bị TAND huyện MD xử phạt 36 tháng về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (ngày 02/9/2014 chấp hành xong hình phạt tù). **Bắt ngày 08/8/2017**. Có mặt.

2. Trịnh Văn T (Tức TK)- Sinh năm 1980; Sinh trú quán: Thôn DK, xã HS, huyện MD, TP Hà Nội; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hoá: 1/12; Con ông: Trịnh Văn T1 (đã chết); Con bà: Phạm Thị T (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị T; Có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2007; TATS: Theo danh chỉ bản số 201 của Công an huyện MD lập và lý lịch địa phương cung cấp bị cáo có không có tiền sự, có 01 tiền án: Năm 2007 bị cáo bị TAND huyện Ứng Hòa xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma . Đầu thú, bắt ngày **08/8/2017**. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Văn T:

Bà Đỗ Thị Thào – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hà Nội – Chi nhánh số 7 – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 12h30' ngày 08/8/2017 tại khu vực cầu HX, xã HS, huyện MD, Công an đồn HS bắt quả tang Đặng Xuân H có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tang vật thu giữ gồm:

- 02 Gói giấy bạc và 01 bọc nilon bên trong bọc thêm lớp giấy in màu trắng xanh bên trong có chứa chất bột màu trắng, Đặng Xuân H khai là ma túy Heroin H vừa mua về. Ngoài ra cơ quan công an còn tạm giữ của H:

+ 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wawe ZX, BKS: 229P1-06097.

+ 01 điện thoại di động MobiStar màu trắng cam.

+ Số tiền: 130.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 5149/KLGĐ-PC54 ngày 05/9/2017 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận:

+ Chất bột màu trắng bên trong 03 gói đều là ma túy loại Heroin, trọng lượng 0,613 gam.

Quá trình điều tra xác định như sau:

Khoảng 12h ngày 08/8/2017 H đang ở nhà thì Trịnh Văn T đi xe máy BKS 29P1-06097 đến nhà và đưa cho H 1000.000đ bảo đi mua ma túy về cùng sử dụng. H cầm tiền và điều khiển xe máy của T đến nhà Cậy ở HX, xã HS, huyện MD mua của C 1000.000đ được 03 gói ma túy. Sau đó H điều khiển xe máy đến khu vực cầu HX thì bị Đồn công an HS kiểm tra bắt giữ và thu giữ vật chứng nêu trên.

Hồi 15h ngày 08/8/2017 Trịnh Văn T đến Đồn công an HS xin đầu thú và thừa nhận đã đưa cho Đặng Xuân H 1000.000đ và xe máy để H đi mua ma túy về sử dụng chung.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi theo đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Cáo trạng số: 06/CT-VKS ngày 04/01/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện MD đã truy tố Đặng Xuân H và Trịnh Văn T về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c Khoản 1 Điều 249 - Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Hành vi của bị cáo Đặng Xuân H và Trịnh Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Đặng Xuân H từ **24** đến **30** tháng tù; xử phạt bị cáo Trịnh Văn T từ **30** đến **36** tháng tù.

Hình phạt bổ sung**:** Không áp dụng.

Về tang vật:

- Đề nghị tịch thu, tiêu hủy 0,613 gam Heroin.

- Đề nghị cho thi hành trả lại bị cáo Đặng Xuân H 01 điện thoại di động Mobistar và số tiền 130.000đ nhưng tạm giữ số tiền trên để đảm bảo công tác thi hành án.

- Đối với chiếc xe máy là tang vật Công an huyện MD có công văn số 67 về việc chuyển 01 xe máy đến công an huyện Thường Tín điều tra theo thẩm quyền nên không xem xét, giải quyết.

Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Văn T trình bày luận cứ: Đồng ý, nhất trí về tội danh Viện kiểm sát truy tố; xem xét cho bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, đầu thú pháp luật; hoàn cảnh gia đình khó khăn, là hộ nghèo tại địa phương và bản thân bị bệnh HIV. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát.

Nói lời sau cùng, các bị cáo nhận thấy việc làm của bản thân là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét mở lượng khoan hồng cho các bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện MD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện MD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai báo và xuất trình các tài liệu chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật và không

có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Xét lời nhận tội của bị cáo H và bị cáo T tại phiên toà phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng, biên bản tạm giữ đồ vật, bản kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận: Với mục đích mua ma túy để cùng sử dụng, Trịnh Văn T đã đưa cho Đặng Xuân H 1.000.000đ và 01 xe máy để H đi mua 0,613g Heroin thì bị công an đồn HS phát hiện bắt quả tang.

Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại tới chính sách quản lý các chất ma tuý của nhà nước. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình nhưng cố ý vi phạm. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện MD đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố các bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy và xâm phạm trật tự an toàn xã hội được Bộ luật hình sự bảo vệ. Do vậy HĐXX thấy cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Năm 2012 bị cáo H bị kết án về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, ngày 02/9/2014 bị cáo chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích nên hành vi phạm tội này không bị coi là tái phạm; bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo T lần phạm tội này là tái phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo T đã ra đầu thú khai báo hành vi phạm tội của mình, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xem xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo có vai trò ngang nhau trong việc thực hiện hành vi phạm

tội, tuy nhiên lần phạm tội này của bị cáo T là tái phạm nên bị cáo T phải chịu hình phạt tù cao hơn H.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng mức hình phạt tù đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập có mức độ không có điều kiện để thi hành nên không áp dụng.

Về vật chứng:

- Cho tịch thu, tiêu hủy 0,613 gam Heroin là vật Nhà nước cấm lưu hành.

- Cho thi hành trả lại bị cáo Đặng Xuân H 01 điện thoại di động Mobistar và số tiền 130.000đ do không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ số tiền trên để đảm bảo công tác thi hành án.

- Đối với 01 xe máy BKS 29P1-06097 có số khung HC090X5Y032752, số máy HC09E506902: Qua tra cứu số khung, số máy trên là của xe mang BKS 36-2464L1, chủ đăng ký xe là Vũ Thị Hoàng Y, chủ sử dụng xe là Đào Khả B ở thị trấn TT, huyện TT, TP Hà Nội. Ngày 31/5/2015 anh B trình báo mất xe tại công an huyện Thường Tín. Ngày 04/12/2017 công an huyện MD có công văn số 67 đề nghị Công an huyện Thường Tín tiếp nhận chiếc xe trên để điều tra theo thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật nên không xem xét giải quyết trong bản án này.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử lý vật chứng phù hợp với nhận định của HĐXX nên có cơ sở xem xét, chấp nhận.

Đối với người bán ma túy H khai là Lê Văn C ở thôn HX, xã HS, huyện MD. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh và xác định đối tượng vắng mặt tại địa phương, Công an huyện MD tách ra điều tra, làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

Bị cáo phải chịu án phí HSST theo Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và những người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Xuân H, Trịnh Văn T (Tức TK) phạm tội : Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đặng Xuân H.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 ; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trịnh Văn T.

***- Xử phạt**: Đặng Xuân H 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày: 08/8/2017.*

- Trịnh Văn T (Tức TK) 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày: 08/8/2017.

2.Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy 0,613 gam Heroin.

- Cho thi hành trả lại bị cáo Đặng Xuân H 01 điện thoại di động Mobistar và số tiền 130.000 đồng nhưng cho tạm giữ lại số tiền trên để đảm bảo công tác thi hành án.

(Hiện có tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện MD theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23/01/2018 và Giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 23/01/2018)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 bộ luật Tố tụng Hình sự và Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm

4 . Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 bộ luật Tố tụng Hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND TP HN;
- Công an huyện MD;
- Viện kiểm sát ND huyện MD;
- Chi cục THADS huyện MD;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;
- Người tham gia tố tụng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Lâm Bình